

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

**Ngày 10-8-2022**

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đặng Việt Hồng

Ông Đào Khel

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Văn N Hân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* **Bà Đồ N Tuyền** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Hồng G, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Số Số B1 đường Q, khóm M, phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

*- Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường Q, khóm M, phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 6 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Bà Lâm Thị Hồng G trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Hoàng L tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 08/9/2016. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không thể hàn gắn được. Bà G quyết định ly hôn để mỗi bên có cuộc sống riêng.

Quá trình chung sống bà G và ông L có một con chung tên Nguyễn Lâm Bảo N, sinh ngày 25/3/2016. Nhưng không có tài sản chung cũng không có nợ chung.

Nay Bà Lâm Thị Hồng G yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng L.

Về con chung: Bà G đồng ý giao con chung tên Nguyễn Lâm Bảo N, sinh ngày 25/3/2016 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi, bà G không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng L từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì:*

*- Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tại phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Lâm Thị Hồng G, về quan hệ hôn nhân của Bà Lâm Thị Hồng G và ông Nguyễn Hoàng L không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu bà G, ông L chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân giữa bà G, ông L bất đồng về quan điểm sống, không thể hàn gắn được. Gia đình hai bên có hòa giải, hàn gắn tình cảm cho bà G, ông L không có kết quả. Tại tòa bà G xác định không còn tình cảm với ông L, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc và kiên quyết xin ly hôn với ông L. Đồng thời, đầu năm 2022 đến nay bà G và ông L đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà G được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Bà G đồng ý giao con chung tên Nguyễn Lâm Bảo N, sinh ngày 25/3/2016 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi, bà G không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu N từ khi sinh ra đến nay đều do bà G, ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi bà G và ông L không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2022 đến nay, cháu N được ông L chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Văn Long là cha ruột ông L, ông Lo xác định cháu N hiện do ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ở cùng với gia đình ông Lo. Tại biên bản xác minh đối với

bà Lê Thị Thanh T, Trưởng ban nhân dân khóm M, phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng, bà T cũng xác định ông L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, ông L và cháu N hiện ở cùng với cha, mẹ ruột của ông L tại số B đường Q, khóm M, phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng. Xuất phát từ mọi lợi ích của cháu N, tránh xáo trộn môi trường sống ảnh hưởng đến tâm lý của cháu N. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G, giao cháu N cho ông L được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông L không yêu cầu bà G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Thị Hồng G tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Như đã phân tích nêu trên, Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị Hồng G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Lâm Thị Hồng G và ông Nguyễn Hoàng L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lâm Bảo N, (nữ, sinh ngày 25/3/2016) hiện đang sống chung với ông L tại B đường Q, khóm M, phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi và Bà Lâm Thị Hồng G không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lâm Thị Hồng G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Thị Hồng G tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị Hồng G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000536 ngày 02/6/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Bà Lâm Thị Hồng G đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hoàng L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Ủy ban nhân dân phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bích Tuyền**